

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



PHÙNG QUÝ SƠN

LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ
(QUA VẤN XUÔI VIỆT NAM 1930 - 1945)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI, NĂM 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



PHÙNG QUÝ SƠN

LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ
(*QUA VẤN XUÔI VIỆT NAM 1930 - 1945*)

Chuyên ngành: Lí luận văn học

Mã số: 62.22.01.20

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS LA KHẮC HÒA

HÀ NỘI, NĂM 2013

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu	2
3. Phương pháp nghiên cứu.....	3
4. Đóng góp của luận án.....	4
5. Cấu trúc của luận án.....	4
NỘI DUNG	5
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ	5
1.1. Khái niệm loại hình truyện kể	5
1.2. Lịch sử nghiên cứu loại hình truyện kể	7
1.2.1. Ở nước ngoài	7
1.2.2. Ở Việt Nam	13
1.3. Lí thuyết truyện kể như là tổ chức không gian kí hiệu học của Iu.Lotman	19
Chương 2. LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ LĂNG MẠN	23
2.1. Khái niệm truyện kể lãng mạn	23
2.2. Không gian của cái “khởi cuộc” và câu chuyện về người chiến thắng	25
2.2.1. <i>Khung</i> : truyện kể về cái “khởi cuộc”	25
2.2.2. Câu chuyện về người chiến thắng.....	32
2.3. Bức tranh thế giới và điểm tựa định hướng giá trị	46
2.3.1. Bức tranh thế giới lưỡng phân	46
2.3.2. <i>Nhân sinh</i> như là điểm tựa định hướng giá trị	55
2.4. Nhân vật như một hệ thống chức năng truyện kể	60
2.4.1. Trục nhân vật chính: Người chinh phục và kẻ cản trở	60
2.4.2. Trục nhân vật phụ	64
Chương 3. LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ BI KỊCH	68
3.1. Khái niệm truyện kể bi kịch	68
3.2. Không gian của cái “chung cục” và câu chuyện về sự thảm bại	69
3.2.1. <i>Khung</i> : truyện kể về cái “chung cục”	69
3.2.2. Câu chuyện về sự thảm bại	74

3.3. Bức tranh thế giới và điểm tựa định hướng giá trị	85
3.3.1. Bức tranh thế giới nhị phân	85
3.3.2. <i>Dân sinh</i> như là điểm tựa định hướng giá trị	99
3.4. Nhân vật như một hệ thống chức năng truyện kể	104
3.4.1. Trục nhân vật chính: Ác bá và nạn nhân	104
3.4.2. Trục nhân vật phụ	108
Chương 4. LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ TRÀO PHÚNG	111
4.1. Khái niệm truyện kể trào phúng	111
4.2. Không gian của cái “đương đại” và câu chuyện về cái nực cười	113
4.2.1. <i>Khung</i> : truyện kể về cái “đương đại đang tiếp diễn”	113
4.2.2. Câu chuyện về cái nực cười	116
4.3. Bức tranh thế giới và điểm tựa định hướng giá trị	120
4.3.1. Bức tranh thế giới - sân khấu hài đời	120
4.3.2. <i>Trạng thái phong hoá</i> như là điểm tựa định hướng giá trị	132
4.4. Nhân vật và chức năng truyện kể	137
4.4.1. Những chân dung biếm họa	137
4.4.2. Những nhân vật con rối trên sân khấu hài.....	141
4.4.3. Nhân vật tư tưởng trong sân khấu nội tâm.....	145
KẾT LUẬN	148
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN	
ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	151
PHỤ LỤC	152
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	155

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả được nêu trong Luận án là trung thực và chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2013

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

PHÙNG QUÝ SƠN

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Luận án *Loại hình truyện kể (qua văn xuôi Việt Nam 1930 - 1945)* của chúng tôi trước hết là một công trình nghiên cứu có ý nghĩa lí thuyết. Hơn hai nghìn ba trăm năm trước, từ thời cổ đại, Aristote (384 - 322 Tr.CN) đã chia sáng tác văn học thành các loại *tự sự, kịch* và *trữ tình*. Nhắc lại như thế để thấy, nhu cầu phân loại sáng tác trong nghiên cứu văn học là nhu cầu có chiều sâu lịch sử. Hiển nhiên là muốn phân loại sáng tác văn học, cần xây dựng được *mô hình lí thuyết* phân loại. Hegel (1770 - 1831), nhà triết học cổ điển Đức cũng chia sáng tác văn học thành ba loại *tự sự, kịch* và *trữ tình* như Aristote, nhưng điểm tựa lí thuyết của Aristote là triết học *bất chước*, còn mô hình lí thuyết của Hegel là triết học *duy tâm khách quan* và *phép tam đoạn luận*. Ý thức phân loại hoạt động lời nói cùng nghệ thuật ngôn từ cũng như tư duy loại hình đã xuất hiện trong thi pháp học và tu từ học từ thời cổ đại, nhưng phải đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, hướng tiếp cận loại hình học trong nghiên cứu văn học mới thực sự trở thành nguyên tắc phương pháp luận khoa học. Chúng ta từng biết tới những mô hình lí thuyết nổi tiếng, ví như mô hình cấu trúc ba thành phần (phong cách lời văn, tọa độ không - thời gian của hình tượng và khu vực tiếp giáp của thế giới nghệ thuật với cái đương đại đang tiếp diễn) được dựa vào để phân loại tiểu thuyết và sử thi của M.Bakhtin; mô hình chức năng và vai nhân vật được dựa vào để nghiên cứu cấu trúc truyện cổ tích thần kì của V.Propp; hay mô hình thể tài dựa vào bốn loại hình nội dung (thần thoại, dân tộc - lịch sử, phong tục - thế sự và đời tư) để nghiên cứu lịch sử văn học của G.Pospelov. Ở Việt Nam, mấy chục năm trở lại đây, giới nghiên cứu của chúng ta, nhất là nghiên cứu sinh, học viên cao học đã vận dụng khá thành công các mô hình lí thuyết ấy vào việc nghiên cứu văn học dân tộc. Bản thân chúng tôi từ lâu cũng áp dụng ý đồ *vận dụng di sản khoa học đồ sộ của Iu.M. Lotman và trường phái cấu trúc - kí hiệu học Tartu để xây dựng một mô hình lí thuyết ngõ hầu nghiên cứu hiệu quả các loại hình truyện kể của nền văn học Việt Nam*. Đây chính là ý nghĩa lí thuyết của đề tài luận án, nếu nó được thực hiện thành công trong công trình nghiên cứu này.

1.2. Chất liệu mà luận án sẽ khảo sát, phân tích để xây dựng các mô hình truyện kể về mặt lí thuyết là văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945. Từ đầu thế kỉ XX, văn học Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại hóa và đến những năm 1930, nền văn học ấy đã tạo ra nhiều tác phẩm vượt tới giá trị cổ điển. Nếu văn học

trung đại là văn học của cái điển mẫu, thi pháp văn học trung đại trước hết là thi pháp thể loại, thì văn học hiện đại là văn học của cá tính sáng tạo, thi pháp văn học hiện đại trước hết là thi pháp tác giả. Rõ ràng, so với văn học trung đại, văn học hiện đại thuộc hệ hình ý thức nghệ thuật cực kỳ phức tạp. Chọn văn xuôi 1930- 1945 làm chất liệu khái quát hóa lí thuyết, chúng tôi không thể không đứng trên quan điểm lịch sử để tiếp cận đối tượng phân tích. Nghĩa là, chúng tôi vừa phải khảo sát kĩ lưỡng, cụ thể văn xuôi 1930 - 1945, vừa tiến hành so sánh giai đoạn văn học này với sáng tác ở các giai đoạn khác như là so sánh các loại hình lịch sử văn học khác nhau. Về phương diện này, ngoài ý nghĩa lí thuyết, đề tài luận án còn có cả *ý nghĩa lịch sử văn học*.

1.3. Xây dựng mô hình lí thuyết để nghiên cứu và giảng dạy lịch sử văn học bao giờ cũng là yêu cầu bức thiết đối với bộ môn lí luận văn học. Đây là cơ sở để chúng tôi có thể nói tới *tính thời sự* và *ý nghĩa sư phạm* mà đề tài luận án có thể đem lại.

Từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***Loại hình truyện kể (qua văn xuôi Việt Nam 1930 - 1945)***.

2. Đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: Loại hình truyện kể qua khảo sát văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung giải quyết hai nhiệm vụ khoa học cơ bản như sau:

- Thứ nhất: vận dụng di sản khoa học đồ sộ của Iu.M. Lotman và trường phái cấu trúc - kí hiệu học Tartu để *xây dựng một mô hình lí thuyết* mà trước hết là *xác định các hạt nhân cấu trúc tạo thành các loại hình truyện kể như là loại hình cấu trúc của các không gian kí hiệu học*.

- Thứ hai: Dựa vào mô hình lí thuyết nói trên, luận án sẽ xây dựng mô hình cấu trúc của ba loại hình truyện kể tiêu biểu trong văn xuôi tự sự Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945 là *truyện kể lãng mạn, truyện kể bi kịch* và *truyện kể trào phúng*.

2.3. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt lí thuyết: Bên cạnh việc khai thác lí thuyết truyện kể của Iu.Lotman và trường phái cấu trúc - kí hiệu học Tartu, đề tài còn vận dụng những quan điểm lí luận về thể loại, nguyên tắc và cách thức phân chia thể loại văn học, lí thuyết cấu

trúc - loại hình... của một số nhà nghiên cứu như V.Propp, G.Pospelov, A.Veselovskii, M.Bakhtin... ở những chừng mực nhất định.

- Phạm vi sáng tác văn học được khảo sát: Từ quan niệm về loại hình truyện kể, chúng tôi tập trung khảo sát những tác phẩm văn xuôi ở hai thể loại tiêu biểu là tiểu thuyết và truyện ngắn. Tác phẩm lựa chọn chủ yếu là của những nhà văn được giới thiệu trong chương trình giảng dạy các bậc học và được giới lí luận phê bình văn học đánh giá cao như: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Trần Tiêu, Lê Văn Trương, Lan Khai, Thế Lữ, Lý Văn Sâm, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Ngô Tất Tố, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài, Bùi Hiền, Mạnh Phú Tư, Nguyễn Đình Lạp...

3. Phương pháp nghiên cứu

Do đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, chúng tôi sẽ vận dụng linh hoạt một số phương pháp nghiên cứu sau:

3.1. Phương pháp loại hình: Theo *Từ điển bách khoa Xô viết* do A.M.Prokhorov chủ biên thì: “Loại hình học là phương pháp khoa học được sử dụng nhằm mục đích nghiên cứu so sánh các thuộc tính bản chất, các dấu hiệu, các mối liên hệ, quan hệ, các chức năng, các cấp độ tổ chức của các đối tượng. Cơ sở của phương pháp khoa học này là dựa vào các kiểu hoặc mô hình tổng quát của các đối tượng để chia tách thành các nhóm và các hệ thống của đối tượng ấy. Loại hình học sử dụng những hình thức logic cơ bản như kiểu, phân loại, phân cấp, hệ thống hoá”. [231; 1325].

3.2. Phương pháp hệ thống: nghiên cứu loại hình truyện kể cần một cái nhìn hệ thống. Bởi lẽ, mỗi tác phẩm, mỗi giai đoạn văn học đều có sự đan cài của các thể loại. Hệ thống hóa sẽ giúp chúng tôi lí giải cấu trúc và sự vận động của các loại hình truyện kể.

3.3. Phương pháp tiếp cận thi pháp học: Thi pháp học hiện đại đã được ứng dụng tương đối phổ biến trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Qua sự cất nhắc thi pháp, văn học đã bộc lộ được bản chất sáng tạo trong tính quan niệm, giá trị sâu sắc của bản thể văn chương. Những biểu hiện của thi pháp tác phẩm, tác giả văn học... là căn cứ phân tích loại hình truyện kể trong văn xuôi Việt Nam 1930 - 1945.

3.4. Kết hợp phương pháp loại hình với quan điểm lịch sử khi khảo sát chất liệu văn học cụ thể.

Cùng với đó, các phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh đối chiếu, phân tích, bình luận... cũng sẽ được vận dụng ở từng phân cụ thể trong quá trình nghiên cứu đề tài.

4. Đóng góp của luận án

4.1. Luận án xây dựng mô hình lí thuyết, xác định cấu trúc và đặc điểm chung tương đối ổn định của một số loại hình truyện kể tiêu biểu qua khảo sát hệ thống tác phẩm văn xuôi Việt Nam 1930 - 1945, góp phần nhận diện, giải thích quy luật vận động của từng loại hình đó.

4.2. Chất liệu được luận án dựa vào để xây dựng mô hình lí thuyết truyện kể là thực tiễn văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945. Cho nên, nếu giải quyết tốt, đề tài luận án còn có những đóng góp trên phương diện nghiên cứu lịch sử văn học.

4.3. Ngoài ra, đề tài luận án còn mang ý nghĩa sư phạm, mang tính thời sự cập nhật, bổ sung một tư liệu tham khảo khiếm tốn trong sự cần thiết cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu văn học trong các trường Đại học, Cao đẳng.

5. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được cấu trúc thành 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến loại hình truyện kể

Chương 2. Loại hình truyện kể lãng mạn

Chương 3. Loại hình truyện kể bi kịch

Chương 4. Loại hình truyện kể trào phúng

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LOẠI HÌNH TRUYỆN KỂ

1.1. Khái niệm loại hình truyện kể

Muốn xác định khái niệm “loại hình truyện kể”, trước hết cần xác định khái niệm “loại hình”. Trong luận án, khái niệm “loại hình” được sử dụng tương đương với chữ “type” trong tiếng Anh, “typé” trong tiếng Pháp và “тип” trong tiếng Nga. Nó có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, nghĩa là “dấu”, là “vết tích”, “kiểu mẫu”. Đây là kết quả kế thừa quan niệm của nhiều nhà nghiên cứu văn học trên thế giới. Tác giả M.B.Khrapchenko, trong bài *Nghiên cứu văn học theo phương pháp loại hình* từ năm 1972 cho rằng nghiên cứu văn học theo phương pháp loại hình là: “tìm hiểu những nguyên tắc và những cơ sở cho phép nói tới tính cộng đồng nhất định về mặt văn học - thẩm mỹ, tới việc một hiện tượng nhất định thuộc về một *kiểu*, một *loại hình* nhất định” [89, 370]. Còn trong bài viết *Mấy vấn đề nghiên cứu những nền văn học trung cổ của phương Đông theo phương pháp loại hình* năm 1973, tác giả B.I.Riptin đã khẳng định: “Việc biên soạn bộ *Lịch sử văn học toàn thế giới* với tư cách là một ý đồ muốn lí giải toàn bộ quá trình văn học sử nói chung, đã đề ra cho các nhà nghiên cứu một loạt những vấn đề quan trọng và phức tạp, trong đó có vấn đề xác định những *kiểu* (type) văn học riêng biệt. Cần phải tìm những tiêu chuẩn để phân chia những *kiểu* văn học đó” [172, 107].

Theo *Từ điển bách khoa Xô viết* (1985), khái niệm “loại hình” có 3 nét nghĩa cơ bản:

“Thứ nhất: là *hình thái, dạng, loại* của một cái gì đó có những đặc điểm chung thuộc về bản chất, là kiểu mẫu, là mô hình của một cái gì đó.

Thứ hai: là đơn vị phân chia từ hiện thực được nghiên cứu theo phương pháp loại hình học.

Thứ ba: là con người có những đặc điểm tính cách nào đó, là đại diện tiêu biểu của một nhóm người, ví như một tầng lớp, một giai cấp, một dân tộc hay một thời đại” [231; 1324]. Trong tiếng Việt, nét nghĩa này thường được biểu thị bằng khái niệm “điển hình”.

Song song với khái niệm “loại hình”, luận án xác định thêm khái niệm “truyện kể”. Khái niệm này xuất hiện từ khá sớm trong lịch sử mỹ học và văn học nghệ thuật. Trong sách *Nghệ thuật thơ ca*, Aristote đã gợi lên ý kiến rằng truyện kể